TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 347/2021/HNGĐ-ST Ngày: 29/12/2021 V/v: Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Loan

Ông Lê Thăng Long

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Binh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 144/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/12/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 13, ngõ 3, thôn X, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Hà Thị Nh, sinh năm 1985 (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ HKTT: Số nhà 13, ngõ 3, thôn X, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Nơi làm việc: Thôn S, xã L, huyện P, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2021, các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn L trình bày:

Anh Phạm Văn L và chị Hà Thị Nh tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H vào ngày 06/6/2009. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống được một thời gian thì sảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống hai bên không phù hợp. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nh.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị T, sinh ngày 05/4/2010 và cháu Phạm Trường A, sinh ngày 13/3/2017. Anh L có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/6/2021, bị đơn chị Hà Thị Nh trình bày:

Chị và anh Phạm Văn L kết hôn là do tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã P cấp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường sảy ra mâu thuẫn, đánh đập nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chị Nh cung cấp cho Tòa án địa chỉ nơi hiện tại chị đang sinh sống và làm việc. Nay anh L xin ly hôn, chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn anh L.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị T, sinh ngày 05/4/2010 và cháu Phạm Trường A, sinh ngày 13/3/2017. Tại bản tự khai ngày 22/6/2021, chị Nh yêu cầu Tòa án giao cho chị và anh L mỗi người nuôi một con. Tại đơn đề nghị gửi Tòa án ngày 09/12/2021, chị Chị Nh đồng ý giao cả hai con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị Nh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2021, cháu Phạm Thị T xin được ở với bố.

Xác minh tại địa phương xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 10/6/2021: Anh Phạm Văn L và chị Hà Thị Nh đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 06/6/2009. Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Thị T và cháu Phạm Trường A. Quá trình chung sống tại địa phương, chị Nh thường xuyên bỏ đi bỏ về nhiều lần, lần gần đây nhất là cách nay khoảng hơn 01 năm. Chị Nh đi để con lại cho anh L nuôi dưỡng. Nguyên nhân vì sao chị Nh bỏ đi thì do không được gia đình báo lại nên địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Phạm Văn L được ly hôn chị Hà Thị Nh. Về con: Đề nghị giao cả hai cháu Phạm Thị T và Phạm Trường A cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nên chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh L. Về tài sản: Anh L, chị Nh không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc anh Phạm Văn L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Văn L làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị Hà Thị Nh và xin được nuôi con, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn - chị Nh có địa chỉ thường trú tại huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết

vụ án, chị Nh đã cung cấp cho Tòa án địa chỉ nơi làm việc của chị tại Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 3 Điều 39 Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa vẫn tiếp tục giải quyết vụ án và ủy thác cho Tòa án nhân dân Quận X, thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thu thập chứng cứ đối với chị Nh là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện tại chị Nh đã chuyển về làm việc tại huyện P, thành phố Hà Nội, tuy nhiên việc thay đổi địa chỉ của chị Nh không ảnh hưởng đến thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Bị đơn chị Hà Thị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Anh Phạm Văn L và chị Hà Thị Nh tự nguyện kết hôn và có đăng lý kết hôn tại UBND xã P, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường sảy ra mâu thuẫn. Từ hơn một năm nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị Nh, chị Nh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn anh L. Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, xử cho anh L được ly hôn chị Nh.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị T, sinh ngày 05/4/2010 và cháu Phạm Trường A, sinh ngày 13/3/2017. Anh L và chị Nh đều thống nhất giao cả hai con cho anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên giao cả hai cháu Phạm Thị T và Phạm Trường A cho anh L trực tiếp chăm sóc là hoàn toàn phù hợp. Anh L không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nên chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh L.

[2.3]. Về tài sản và công nợ: Anh L và chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Văn L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn L được ly hôn chị Hà Thị Nh.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị T, sinh ngày 05/4/2010 và cháu Phạm Trường A, sinh ngày 13/3/2017 cho anh Phạm Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh L.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số: AA/2019/0010394 ngày 10/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Anh L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã P;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Vân